BỘ CÔNG THƯƠNG **TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 14 /QĐ-ĐHCNQN	*Quảng Ninh, ngày 18 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố kết quả kiểm tra đánh giá Chuẩn đầu ra ngoại ngữ tiếng Anh bậc 3/6 đợt 1 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Quyết định số 4361/QĐ-BCT ngày 16 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-ĐHCNQN ngày 28/5/2020 về việc ban hành Quy định Chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên đại học hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Kế hoạch số 295/KH-ĐHCNQN ngày 15/12/2021 về tổ chức kiểm tra, đánh giá chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học đối với sinh viên các lớp đại học hệ chính quy năm học 2021-2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ vào kết quả kiểm tra đánh giá chuẩn đầu ra ngoại ngữ tiếng Anh được tổ chức vào ngày 07 tháng 01 năm 2022 tại Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng kiểm tra, đánh giá chuẩn đầu ra,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kết quả kiểm tra đánh giá chuẩn đầu ra ngoại ngữ tiếng Anh bậc 3/6 đối với những sinh viên đăng ký tham dự kiểm tra đợt 1 năm 2022.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các Ông (bà) Trưởng các đơn vị trong toàn trường và những sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Giám hiệu (02);
- Như điều 2;
- Lưu VT, ĐT (02).

HIỆU TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

TS. Hoàng Hùng Thắng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ ĐIỂM KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

Kèm theo Quyết định số 14 /QĐ-ĐHCNQN ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Kỹ năng kiểm tra				Tổng	Kết quả Đạt/không đạt	Ghi chú
						Đọc	Viết	Nghe	Nói			
1	1	CQ11DH0020	Lại Thị Ngọc Anh	01/02/2000	KTTHDHK11	29	22	13	13,5	77,5	Đạt	
2	2	CQ12DH0037	Nguyễn Tuấn Anh	05/01/2001	DHDT K12					0	Không đạt	Bỏ thi
3	3	CQ12DH0129	Nguyễn Tuấn Anh	15/10/2001	DHDL K12					0	Không đạt	Bỏ thi
4	4	CQ12DH0019	Nguyễn Việt Anh	19/05/2001	DHKTD K12	28	16	13	10	67	Đạt	
5	5	CQ11DH0126	Phạm Tuấn Anh	20/09/2000	KTDDHK11					0	Không đạt	Bỏ thi
6	6	CQ11DH0098	Thân Thị Ngọc Anh	10/08/2000	KTTHDHK11	30	23	15	12,5	80,5	Đạt	
7	7	CQ11DH0132	Vũ Tuấn Anh	24/10/2000	KTDDHK11	23	7	14	8	52	Không đạt	
8	8	CQ11DH0057	Nguyễn Danh Bách	03/08/2000	TDHDHK11	29	16	15	7,5	67,5	Đạt	
9	9	CQ11DH0042	Vũ Xuân Bang	10/11/2000	TDHTKCKDHK11	29	18	15	12,5	74,5	Đạt	
10	10	CQ11DH0121	Đỗ Quốc Bình	21/06/2000	QTKDDHK11	29	5	8	5,5	47,5	Không đạt	
11	11	CQ11DH0008	Phùng Nguyễn Thanh Bình	19/10/2000	KTTHDHK11	30	18	15	9	72	Đạt	
12	12	CQ11DH0021	Trần Thị Tứ Bình	07/04/2000	KTTHDHK11	30	22	7	14	73	Đạt	
13	13	LA11DH0015	Phetmany Bounphavanh	23/06/1999	DHKTK11SVNN	30	16	7	9	62	Đạt	
14	14	LA11DH0006	Sipaseuth Chansavath	06/09/2000	DHKTDK11SVNN	26	20	7	14,5	67,5	Đạt	
15	15	LA11DH0030	Moukkham Chanthala	10/05/2000	DHTCDNK11SVNN	26	20	12	8	66	Đạt	
16	16	LA12DH0002	Khamphet Chanthapha	01/11/2000	DHKTDSVNNK12	24	10	13	7	54	Đạt	
17	17	CQ11DH0030	Nguyễn Thị Phương Chi	06/08/2000	TKDHK11	28	20	14	8	70	Đạt	
18	18	CQ12DH0117	Đặng Minh Chiến	26/12/2001	DHTDHCN K12	28	12	15	8,5	63,5	Đạt	
19	19	CQ11DH0056	Đoàn Minh Chiến	20/08/2000	KTDDHK11	26	20	14	9	69	Đạt	
20	20	CQ12DH0006	Vương Minh Chiến	25/10/2001	DHDL K12					0	Không đạt	Bỏ thi
21	21	LTCQ13DH02	Đào Văn Chung	27/04/1990	DHLTTDHCN K13	28	4	3	10	45	Không đạt	
22	22	CQ12DH0028	Phạm Thành Công	05/12/2001	DHKTD K12	29	8	4	10	51	Không đạt	
23	23	CQ12DH0004	Phùng Tiến Công	14/12/2001	DHDL K12					0	Không đạt	Bỏ thi
24	24	CQ12DH0122	Trần Nhật Công	04/04/2001	DHKTD K12					0	Không đạt	Bỏ thi
25	25	CQ12DH0040	Vũ Mạnh Cương	11/10/2001	DHTDHCN K12	29	8	4	14	55	Không đạt	
26	26	CQ12DH0038	Trịnh Đức Đại	16/11/2001	DHTDHCN K12	28	8	7	12	55	Không đạt	
27	27	CQ12DH0058	Cao Tiến Đạt	28/01/2001	DHCNPM K12	28	13	6	11	58	Không đạt	
28	28	CQ12DH0033	Đặng Thành Đạt	04/12/2001	DHKTD K12					0	Không đạt	Bỏ thi
29	29	CQ12DH0111	Lê Phúc Thành Đạt	11/10/2001	DHDT K12					0	Không đạt	Bỏ thi

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Kỹ năng kiểm tra				Tổng	Kết quả Đạt/không đạt	Ghi chú
						Đọc	Viết	Nghe	Nói			
30	30	CQ12DH0152	Lê Văn Đạt	09/07/2001	DHKTD K12	25	16	10	9	60	Đạt	
31	31	CQ10DH0026	Nguyễn Tiến Đạt	19/12/1999	DHKTD K10	29	16	13	12	70	Đạt	
32	32	CQ12DH0138	Mạc Anh Dũng	25/05/2000	DHKTD K12	27	11	10	8	56	Đạt	
33	33	CQ11DH0120	Ngô Tuấn Dương	26/02/1997	KTTHDHK11	29	15	15	8	67	Đạt	
34	34	CQ11DH0033	Phạm Văn Dương	27/09/2000	CNPMDHK11	25	17	11	12	65	Đạt	
35	35	CQ11DH0073	Bùi Công Duy	20/06/2000	KTDDHK11	29	16	13	12	70	Đạt	
36	36	CQ11DH0070	Trần Thế Duy	22/07/2000	KTDDHK11	29	14	12	12	67	Đạt	
37	37	CQ11DH0027	Vũ Văn Duyệt	08/11/1994	TCDNDHK11	14	0	6	0	20	Không đạt	
38	38	CQ12DH0091	Nguyễn Tiến Đạt	12/01/2001	DHTK K12	30	12	7	10	59	Đạt	
39	39	CQ11DH0099	Nguyễn Trọng Đạt	19/02/2000	TCDNDHK11					0	Không đạt	Bỏ thi
40	40	CQ12DH0143	Lê Duy Điền	26/07/2001	DHTDHCN K12	30	18	10	9	67	Đạt	
41	41	CQ10DH0084	Nguyễn Ngọc Định	03/11/1999	DHTDH K10	27	18	9	11	65	Đạt	
42	42	CQ11DH0113	Nguyễn Đình Đông	25/05/2000	TDHTKCKDHK11	28	8	8	8	52	Không đạt	
43	43	CQ12DH0025	Vũ Cường Đồng	03/10/2001	DHKTD K12	21	10	8	11	50	Đạt	
44	44	CQ10DH0087	Bùi Văn Đức	24/03/1999	DHTDH K10	26	12	8	12	58	Đạt	
45	45	CQ12DH0029	Cao Tích Đức	05/12/2000	DHKTD K12	24	8	8	8	48	Không đạt	
46	46	CQ12DH0023	Đào Mạc Đức	21/08/2001	DHKTD K12	29	14	8	9	60	Đạt	
47	47	CQ11DH0079	Lã Minh Đức	11/08/2000	KTDDHK11	30	10	8	11	59	Đạt	
48	48	CQ11DH0083	Lê Quang Đức	11/06/2000	TDCTDHK11	29	18	8	9	64	Đạt	
49	49	CQ11DH0125	Nguyễn Văn Đức	02/02/2000	TDHTKCKDHK11	29	14	11	9	63	Đạt	
50	50	CQ12DH0024	Tô Quảng Đức	29/04/2000	DHKTD K12	30	16	11	8	65	Đạt	
51	51	CQ11DH0037	Trần Ngọc Đức	03/02/2000	KTDDHK11	30	22	11	9	72	Đạt	
52	52	CQ11DH0096	Vũ Văn Đức	26/12/2000	KTDDHK11	30	22	10	8	70	Đạt	
53	53	CQ11DH0090	Nghiêm Hoàng Giang	28/10/2000	TDHDHK11	28	20	12	12	72	Đạt	
54	54	LTCQ13DH03	Nguyễn Lệ Giang	11/06/1990	DHLTKETOAN K13	29	12	12	7	60	Đạt	
55	55	CQ11DH0061	Phạm Ngọc Giang	10/11/2000	CNDLDHK11	20	18	11	14	63	Đạt	
56	56	CQ12DH0020	Đỗ Nguyên Giáp	11/06/2001	DHKTD K12	28	14	11	12	65	Đạt	
57	57	CQ11DH0136	Hoàng Thu Hà	26/09/2000	KTTHDHK11	29	26	12	16	83	Đạt	
58	58	CQ10DH0134	Nguyễn Thị Thu Hà	18/10/1999	DHTDH K10	25	13	9	12	59	Đạt	
59	59	LTCQ13DH09	Đỗ Văn Hải	01/04/1983	DHLTHAMLO K13	26	18	12	12	68	Đạt	
60	60	CQ11DH0034	Ngô Việt Hải	18/11/2000	CNPMDHK11	30	20	10	14	74	Đạt	
61	61	CQ11DH0071	Phạm Thanh Hải	18/03/2000	KTDDHK11	30	16	12	10	68	Đạt	
62	62	CQ12DH0132	Phạm Văn Hải	10/04/2000	DHKTD K12					0	Không đạt	Bỏ thi
63	63	CQ11DH0092	Tạ Quân Hải	15/02/1981	KTTHDHK11	30	10	10	14	64	Đạt	
64	64	CQ12DH0022	Vũ Thế Hậu	22/03/2001	DHKTD K12	30	10	8	12	60	Đạt	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Kỹ năng kiểm tra				Tổng	Kết quả Đạt/không đạt	Ghi chú
						Đọc	Viết	Nghe	Nói			
65	65	CQ11DH0015	Lý Thị Hiên	09/09/2000	KTTHDHK11	30	18	10	12	70	Đạt	
66	66	CQ12DH0052	Đặng Văn Hiếu	31/07/2001	DHTDHCN K12	14	18	10	12	54	Đạt	
67	67	CQ11DH0104	Đinh Trung Hiếu	19/01/2000	TDHDHK11	29	18	11	12	70	Đạt	
68	68	CQ12DH0041	Hà Ngọc Hiếu	08/12/2001	DHTDHCN K12	30	16	11	16	73	Đạt	
69	69	CQ11DH0035	Lã Hùng Hiếu	15/10/2000	CNPMDHK11	30	10	8	13	61	Đạt	
70	70	CQ11DH0133	Lê Trung Hiếu	18/12/1996	KTDDHK11	28	16	8	12	64	Đạt	
71	71	CQ12DH0044	Nguyễn Minh Hiếu	16/08/2001	DHTDHCN K12	30	16	11	13	70	Đạt	
72	72	CQ11DH0055	Nguyễn Xuân Hiếu	08/10/2000	KTDDHK11	21	24	12	12	69	Đạt	
73	73	CQ12DH0001	Nịnh Văn Hiếu	03/12/2001	DHDL K12					0	Không đạt	Bỏ thi
74	74	CQ11DH0024	Nguyễn Đức Hoàng	03/02/2000	KTTHDHK11	28	14	10	8	60	Đạt	
75	75	CQ10DH0147	Nguyễn Huy Hoàng	12/12/1999	DHTDH K10	21	4	8	8	41	Không đạt	
76	76	CQ12DH0042	Nguyễn Huy Hoàng	21/08/2001	DHTDHCN K12	25	11	8	7	51	Đạt	
77	77	CQ12DH0054	Nguyễn Lê Hoàng	13/02/2002	DHTDHCN K12	26	10	10	14	60	Đạt	
78	78	CQ11DH0001	Vũ Thị Hồng	28/10/1995	KTTHDHK11	29	7	10	8	54	Không đạt	
79	79	CQ11DH0047	Bùi Thanh Hợp	09/02/1999	TDHDHK11	28	7	11	7	53	Không đạt	
80	80	CQ11DH0059	Nguyễn Đức Hùng	18/11/2000	TDHDHK11	29	7	10	7	53	Không đạt	
81	81	CQ11DH0108	Nguyễn Mạnh Hùng	04/11/2000	CNDLDHK11	30	7	10	9	56	Không đạt	
82	82	CQ09DH0080	Phạm Duy Hùng	26/04/1996	QTKD DHK9	27	2	2	8	39	Không đạt	
83	83	CQ13DH0240	Phạm Thế Hùng	28/03/2002	DHCNKTĐ13	26	16	12	14	68	Đạt	
84	84	CQ11DH0064	Lê Ngọc Hưng	14/03/2000	CNDLDHK11	19	13	15	14	61	Đạt	
85	85	CQ12DH0057	Vũ Quang Hưng	04/10/2001	DHTDHCN K12	25	7	12	14	58	Không đạt	
86	86	CQ11DH0018	Nguyễn Thanh Hương	07/05/2000	KTTHDHK11	30	14	11	15	70	Đạt	
87	87	CQ11DH0085	Phạm Thanh Hương	30/12/2000	KTTHDHK11	30	18	1	12	61	Không đạt	
88	88	CQ10DH0158	Nguyễn Công Huy	29/07/1999	DHPM K10					0	Không đạt	Bỏ thi
89	89	CQ11DH0087	Nguyễn Tuấn Huy	28/01/2000	KTDDHK11	27	7	9	9	52	Không đạt	
90	90	CQ12DH0121	Nguyễn Tuấn Huy	30/06/2000	DHTDHCN K12	15	15	6	13	49	Không đạt	
91	91	LA12DH0004	Anousone Inteum	20/08/2000	DHKTDSVNNK12	10	9	7	7	33	Không đạt	
92	92	LA11DH0026	Inphone Keo Oudom	22/11/1999	DHTCDNK11SVNN	28	11	8	13	60	Đạt	
93	93	LA11DH0031	Pathoumma Keopaseuth	21/06/1999	DHTCDNK11SVNN	29	16	9	12	66	Đạt	
94	94	LA12DH0005	Somsavanh Keovanxay	14/05/2001	DHKTDSVNNK12	29	12	8	14	63	Đạt	
95	95	LA11DH0022	Phimmasone Khamphanpheng	13/11/1999	DHQTKDK11SVNN	26	10	8	10	54	Đạt	
96	96	LA12DH0008	Xinnavath Khamsing	15/07/2001	DHKTDSVNNK12	26	10	8	10	54	Đạt	
97	97	CQ11DH0063	Bùi Đức Khánh	18/11/2000	KTDDHK11	30	16	9	10	65	Đạt	
98	98	CQ12DH0056	Bùi Xuân Khánh	24/07/2001	DHTDHCN K12	30	10	2	10	52	Không đạt	
99	99	CQ11DH0105	Đinh Ngọc Khiêm	15/12/2000	TDHDHK11	28	7	10	8	53	Không đạt	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Kỹ năng kiểm tra				Tổng	Kết quả Đạt/không đạt	Ghi chú
						Đọc	Viết	Nghe	Nói			
100	100	CQ11DH0067	Trần Đình Khiêm	18/10/2000	KTDDHK11	28	13	10	7	58	Đạt	
101	101	CQ11DH0031	Trần Anh Khoa	18/08/2000	TKDHK11	25	2	8	5	40	Không đạt	
102	102	LA11DH0025	Chanthayout Khongsavath	26/07/1999	DHTCDNK11SVNN	29	16	8	7	60	Đạt	
103	103	CQ11DH0025	Lê Xuân Khương	20/12/2000	QTKDDHK11	29	10	8	7	54	Đạt	
104	104	CQ11DH0077	Vi Đăng Kiêm	13/06/2000	KTDDHK11	24	4	5	6	39	Không đạt	
105	105	CQ11DH0012	Nguyễn Trung Kiên	28/02/2000	KTTHDHK11	29	10	5	8	52	Không đạt	
106	106	CQ12DH0034	Trương Tuấn Kiệt	15/10/2001	DHTDHCN K12	21	0	5	16	42	Không đạt	
107	107	LA11DH0033	Thipphakone Kongsanith	10/02/2000	DHTCDNK11SVNN	20	11	8	15	54	Đạt	
108	108	LA11DH0027	Ketsana Laomouaxiong	15/10/1999	DHTCDNK11SVNN	28	16	8	8	60	Đạt	
109	109	CQ11DH0014	Lương Hà Linh	05/03/2000	KTTHDHK11	30	9	3	7	49	Không đạt	
110	110	CQ11DH0124	Nguyễn Trọng Linh	22/07/2000	TDHTKCKDHK11	25	8	9	7	49	Không đạt	
111	111	LTCQ13DH08	Nguyễn Văn Linh	05/02/1994	DHLTHAMLO K13	22	11	7	10	50	Đạt	
112	112	CQ11DH0044	Hoàng Văn Long	09/02/2000	TDHDHK11	28	16	16	7	67	Đạt	
113	113	CQ11DH0040	Nguyễn Ngọc Long	10/11/2000	CKOTODHK11	28	17	16	16	77	Đạt	
114	114	CQ11DH0054	Nguyễn Ngọc Hoàng Long	13/04/2000	KTDDHK11	28	17	14	11,5	70,5	Đạt	
115	115	CQ11DH0050	Trần Dương Long	15/11/2000	TDHDHK11	28	13	15	16	72	Đạt	
116	116	CQ11DH0089	Trần Hoàng Long	06/09/2000	KTDDHK11	27	15	13	7	62	Đạt	
117	117	CQ11DH0002	Trịnh Hoàng Lương	10/09/1989	KTTHDHK11	27	20	12	7	66	Đạt	
118	118	CQ11DH0023	Đoàn Thục Mai	19/10/2000	KTTHDHK11	30	22	12	8	72	Đạt	
119	119	LTCQ12DH20	Nguyễn Quang Mạnh	20/12/1990	DHLTTDCT K12					0	Không đạt	Bỏ thi
120	120	LA13DH0005	Satthaphone Mathipanya	26/07/2002	DHCNKTĐ(SVNN)13	27	18	13	14,5	72,5	Đạt	
121	121	CQ12DH0030	Bùi Tô Minh	10/03/2001	DHKTD K12	28	10	16	5	59	Không đạt	
122	122	CQ12DH0154	Phạm Công Minh	04/01/1998	DHTDHCN K12	28	22	16	13,5	79,5	Đạt	
123	123	CQ12DH0048	Phan Văn Minh	28/01/1996	DHTDHCN K12	28	10	14	9	61	Đạt	
124	124	CQ11DH0004	Nguyễn Thị My	05/04/2000	KTTHDHK11	30	18	16	14	78	Đạt	
125	125	CQ11DH0065	Chu Văn Nam	12/04/2000	KTDDHK11	30	19	14	7,5	70,5	Đạt	
126	126	CQ11DH0110	Trần Đức Nam	03/12/2000	KTDDHK11	26	16	11	3	56	Không đạt	
127	127	CQ11DH0041	Trần Văn Nam	15/02/2000	TDHTKCKDHK11	28	21	12	9	70	Đạt	
128	128	LA12DH0031	Khampheua Nammavong	10/11/1992	DHKTDSVNNK12	27	11	8	13	59	Đạt	
129	129	CQ11DH0115	Lê Kim Ngân	16/12/2000	CNPMDHK11	24	18	14	10,5	66,5	Đạt	
130	130	CQ11DH0028	Ninh Văn Nghĩa	10/04/2000	QTKDDHK11	26	21	16	7	70	Đạt	
131	131	CQ11DH0036	Trần Công Nghĩa	28/10/2000	CNPMDHK11					0	Không đạt	Bỏ thi
132	132	CQ11DH0016	Phạm Thị Minh Nguyệt	29/04/2000	KTTHDHK11	29	20	18	10	77	Đạt	
133	133	CQ12DH0124	Phạm Đức Nhật	14/06/2001	DHDL K12					0	Không đạt	Bỏ thi
134	134	CQ11DH0019	Bùi Thị Hồng Nhung	19/09/2000	KTTHDHK11	30	20	18	12	80	Đạt	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Kỹ năng kiểm tra				Tổng	Kết quả Đạt/không đạt	Ghi chú
						Đọc	Viết	Nghe	Nói			
135	135	CQ11DH0017	Nguyễn Thị Hồng Nhung	03/02/2000	KTTHDHK11	30	22	16	13	81	Đạt	
136	136	LA11DH0011	Somdeth Phanthavy	02/04/1998	DHKTDK11SVNN	40	10	10	13	73	Đạt	
137	137	LA11DH0019	Sy Phetbonesy	13/10/1998	DHHLK11SVNN	29	21	10	12	72	Đạt	
138	138	LA11DH0018	Anou Phetjanthasing	04/06/1997	DHHLK11SVNN	30	22	10	17	79	Đạt	
139	139	LA11DH0013	Phainakhone Phetsithone	08/07/1999	DHCNPMK11SVNN	27	20	15	11	73	Đạt	
140	140	LTCQ11DH26	Nguyễn Đức Phiên	05/06/1984	DHLTKETOANK11	27	16	11	11	65	Đạt	
141	141	LA11DH0002	Vanhsay Phommasan	30/11/1999	DHKTDK11SVNN	27	22	14	12	75	Đạt	
142	142	LA11DH0007	Sitthikone Phomsy	29/04/2000	DHKTDK11SVNN	28	20	14	12	74	Đạt	
143	143	LA11DH0008	Anoulack Phonesavat	27/09/1999	DHKTDK11SVNN	26	20	14	13	73	Đạt	
144	144	LA11DH0003	Anouluk Phonesouli	22/01/2000	DHKTDK11SVNN	26	10	13	12	61	Đạt	
145	145	CQ11DH0075	Hà Đình Phong	15/04/2000	KTDDHK11	28	19	10	12	69	Đạt	
146	146	CQ10DH0017	Nguyễn Văn Phong	03/08/1999	DHCDM K10	29	21	11	14	75	Đạt	
147	147	LA11DH0005	Phithack Phongsavath	28/11/1999	DHKTDK11SVNN	25	20	10	12	67	Đạt	
148	148	CQ11DH0006	Nguyễn Thu Phương	09/09/2000	KTTHDHK11	28	22	14	12	76	Đạt	
149	149	CQ11DH0022	Trần Thị Phượng	04/06/2000	KTTHDHK11	28	20	10	8	66	Đạt	
150	150	CQ11DH0051	Hoàng Anh Quân	03/11/1999	TDHDHK11	28	15	13	13	69	Đạt	
151	151	CQ11DH0137	Đoàn Minh Quang	30/08/1999	KTDDHK11					0	Không đạt	Bỏ thi
152	152	CQ11DH0072	Phan Doãn Quang	26/02/2000	KTDDHK11	30	19	8	7	64	Đạt	
153	153	CQ11DH0060	Phạm Đức Quý	01/01/2000	CNDLDHK11	28	16	4	5	53	Không đạt	
154	154	CQ11DH0102	Nguyễn Ngọc Quyền	17/06/2000	KTDDHK11	29	15	6	8	58	Không đạt	
155	155	CQ11DH0078	Bùi Đức Quyết	20/06/2000	KTDDHK11	20	7	7	5	39	Không đạt	
156	156	CQ12DH0031	Hồ Vũ Quỳnh	18/01/2001	DHKTD K12	25	9	6	10	50	Không đạt	
157	157	CQ11DH0003	Phạm Thị Quỳnh	07/10/2000	KTTHDHK11	30	19	11	16	76	Đạt	
158	158	CQ12DH0139	Vũ Văn Sang	11/07/2001	DHTDHCN K12	3	2	5	5	15	Không đạt	
159	159	LA12DH0011	Vilaphon Saryavoud	07/07/2000	DHKTDSVNNK12	30	15	11	7	63	Đạt	
160	160	LA11DH0032	Phetsaboun Savatphai	18/12/1999	DHTCDNK11SVNN	29	19	12	10	70	Đạt	
161	161	LA12DH0007	Xeme Senechonghak	11/10/2000	DHKTDSVNNK12	29	21	13	16	79	Đạt	
162	162	LA11DH0028	Phoutthasack Sengdalay	02/06/1999	DHTCDNK11SVNN	29	19	14	16	78	Đạt	
163	163	LA11DH0004	Mai Eit Sengdeuanthor	08/04/1998	DHKTDK11SVNN	30	18	13	12	73	Đạt	
164	164	CQ11DH0005	Hoàng Tiên Sinh	05/11/2000	KTTHDHK11	26	8	8	7	49	Không đạt	
165	165	LA11DH0016	Khamlar Siphanhhack	27/04/1999	DHKTK11SVNN	27	19	8	14	68	Đạt	
166	166	CQ11DH0038	Lý Thái Sơn	19/08/2000	CKOTODHK11	27	7	4	12	50	Không đạt	
167	167	CQ11DH0117	Nguyễn Hồng Sơn	23/06/1999	KTDDHK11	29	0	4	5	38	Không đạt	
168	168	CQ11DH0052	Nguyễn Văn Sơn	18/12/2000	TDHDHK11	27	21	8	8	64	Đạt	
169	169	CQ10DH0069	Trần Trung Sơn	17/06/1999	DHKTD K10	28	21	12	9	70	Đạt	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Kỹ năng kiểm tra				Tổng	Kết quả Đạt/không đạt	Ghi chú
						Đọc	Viết	Nghe	Nói			
170	170	LA11DH0014	Khanthong Sonelamany	14/02/1998	DHKTK11SVNN	27	16	12	7	62	Đạt	
171	171	LA11DH0029	Khaek Sonsouvanh	16/12/2000	DHTCDNK11SVNN	27	21	14	16	78	Đạt	
172	172	LA11DH0023	Nitdavanh Sykhamxai	21/11/1999	DHTCDNK11SVNN	29	19	14	10	72	Đạt	
173	173	CQ11DH0088	Nguyễn Mạnh Tiến	15/08/2000	CKOTODHK11	27	11	13	14	65	Đạt	
174	174	CQ12DH0114	Lương Khánh Toan	22/07/2001	DHDL K12					0	Không đạt	Bỏ thi
175	175	CQ10DH0104	Bùi Doãn Toàn	01/11/1999	DHKT K10	19	0	10	7	36	Không đạt	
176	176	CQ11DH0045	Nguyễn Cảnh Toàn	17/08/2000	TDHDHK11	30	10	12	14	66	Đạt	
177	177	LA11DH0020	Singthor Tongporyiavathor	08/04/1997	DHTKK11SVNN	30	21	10	16	77	Đạt	
178	178	LTCQ13DH11	Đậu Hoàng Tú	27/11/1993	DHLTTDCT K13					0	Không đạt	Bỏ thi
179	179	CQ11DH0043	Bùi Mạnh Tuân	10/09/1999	TDHDHK11	30	21	6	10	67	Không đạt	
180	180	CQ12DH0043	Phạm Ngọc Tuân	06/10/2001	DHTDHCN K12	30	16	10	5	61	Không đạt	
181	181	LTCQ12DH22	Vũ Văn Tuân	03/09/1992	DHLTTDCT K12					0	Không đạt	Bỏ thi
182	182	CQ11DH0029	Đỗ Minh Tuấn	09/12/2000	TKDHK11	30	16	12	7	65	Đạt	
183	183	CQ10DH0145	Thiều Anh Tuấn	25/11/1999	DHKTD K10	28	23	13	12	76	Đạt	
184	184	CQ11DH0100	Vũ Minh Tuấn	25/02/2000	TDHDHK11	29	2	9	12	52	Không đạt	
185	185	CQ10DH0021	Vũ Văn Tuấn	09/03/1999	DHKTD K10	28	17	12	7	64	Đạt	
186	186	CQ12DH0084	Bùi Ngọc Thạch	07/03/2000	DHDT K12					0	Không đạt	Bỏ thi
187	187	CQ12DH0032	Đinh Văn Thái	16/09/2001	DHKTD K12					0	Không đạt	Bỏ thi
188	188	LA11DH0010	Phouthsavanh Thanavanh	21/07/1999	DHKTDK11SVNN	28	20	7	12	67	Đạt	
189	189	CQ11DH0068	Trần Cao Thăng	06/04/2000	KTDDHK11	29	18	7	12	66	Đạt	
190	190	CQ09DH0244	Nguyễn Đức Thắng	01/12/1997	MMTDHK9					0	Không đạt	Bỏ thi
191	191	CQ12DH0036	Nguyễn Văn Thắng	19/09/2001	DHDT K12					0	Không đạt	Bỏ thi
192	192	CQ12DH0050	Nguyễn Đức Thành	13/10/2001	DHTDHCN K12	26	14	8	12	60	Đạt	
193	193	CQ11DH0076	Vũ Chí Thành	20/01/2000	KTDDHK11	24	11	7	10	52	Đạt	
194	194	CQ11DH0131	Đinh Thị Phương Thảo	05/11/1999	TCDNDHK11	29	24	8	16	77	Đạt	
195	195	CQ10DH0126	Hồ Thị Thảo	08/04/1999	DHQTKD K10	30	20	8	12	70	Đạt	
196	196	LTCQ13DH06	Vũ Thị Thiệp	14/10/1993	DHLTKETOAN K13	29	20	8	16	73	Đạt	
197	197	LA11DH0009	Kor Thor	02/11/1999	DHKTDK11SVNN	28	24	7	13	72	Đạt	
198	198	LA11DH0012	Tousong Thor	05/11/1998	DHKTDK11SVNN	30	18	7	12	67	Đạt	
199	199	CQ11DH0081	Nguyễn Bá Thức	29/02/1992	HLDHK11	30	26	12	12	80	Đạt	
200	200	CQ12DH0053	Phạm Thân Thương	21/08/2001	DHTDHCN K12	30	18	9	14	71	Đạt	
201	201	LTCQ11DH20	Nguyễn Thị Thùy	13/02/1987	DHLTKETOANK11	29	21	7	10	67	Đạt	
202	202	CQ10DH0011	Đoàn Thị Kim Trang	14/10/1999	DHCDM K10	29	15	7	12	63	Đạt	
203	203	CQ11DH0112	Phạm Thị Quỳnh Trang	29/03/2000	KTTHDHK11	30	23	8	14	75	Đạt	
204	204	CQ11DH0091	Vũ Đăng Trọng	18/05/1995	KTTHDHK11	30	21	8	14	73	Đạt	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Kỹ năng kiểm tra				Tổng	Kết quả Đạt/không đạt	Ghi chú
						Đọc	Viết	Nghe	Nói			
205	205	CQ10DH0161	Nguyễn Nhật Trường	26/11/1999	DHH&C K10	29	11	8	14	62	Đạt	
206	206	CQ10DH0132	Ngô Thanh Tùng	15/12/1999	DHTCDN K10	28	15	7	10	60	Đạt	
207	207	CQ11DH0111	Nguyễn Mạnh Tùng	04/04/2000	TDHDHK11	30	15	14	12	71	Đạt	
208	208	CQ12DH0003	Nguyễn Thanh Tùng	15/11/2001	DHKTD K12					0	Không đạt	Bo thi
209	209	LTCQ13DH12	Phạm Tiến Tuyến	30/03/1985	DHLTTK K13	30	15	11	0	56	Không đạt	
210	210	CQ10DH0121	Nguyễn Thị Thu Uyên	14/08/1999	DHKT K10	29	20	12	13	74	Đạt	
211	211	CQ10DH0010	Đặng Hồng Vân	26/05/1999	DHKT K10	30	20	9	14	73	Đạt	
212	212	CQ11DH0086	Trần Thị Thu Vân	29/01/2000	KTTHDHK11	30	24	15	14	83	Đạt	
213	213	LA11DH0001	Somsak Vanyalak	08/08/1999	DHTCDNK11SVNN	29	20	8	11	68	Đạt	
214	214	CQ11DH0107	Đặng Đình Việt	03/05/1995	KTDDHK11	29	16	8	12	65	Đạt	
215	215	CQ09DH0197	Nguyễn Tuấn Việt	26/06/1994	KT DHK9	30	21	7	12	70	Đạt	
216	216	CQ11DH0095	Nguyễn Xuân Việt	14/06/2000	KTDDHK11	24	16	11	10	61	Đạt	
217	217	LA12DH0010	Thanousack Vilaxay	18/11/2000	DHKTDSVNNK12	26	16	10	11	63	Đạt	
218	218	CQ11DH0032	Đoàn Hoa Vinh	27/11/1999	CNPMDHK11	29	16	13	16	74	Đạt	
219	219	CQ12DH0026	Nguyễn Quang Vinh	15/10/2001	DHKTD K12	29	15	14	13	71	Đạt	
220	220	CQ10DH0116	Tô Thị Vy	12/06/1999	DHKT K10	29	16	14	12	71	Đạt	
221	221	LA12DH0009	Visouk Xainyadetyar	15/09/1999	DHKTDSVNNK12	29	16	13	13	71	Đạt	
222	222	LA12DH0003	Phonethip Xayasone	08/07/1998	DHKTDSVNNK12	29	14	10	13	66	Đạt	
223	223	LA11DH0024	Sinnaly Xayvungmeuang	28/12/1999	DHTCDNK11SVNN	30	15	7	14	66	Đạt	
224	224	LA12DH0006	Souliya Xuendavanh	21/09/2000	DHKTDSVNNK12	30	14	10	11	65	Đạt	
225	225	LA12DH0029	Maisao Yongsompheng	04/11/2000	DHKTDSVNNK12	30	18	10	13	71	Đạt	
226	226	LA11DH0021	Manivanh Yotsavath	11/10/1999	DHQTKDK11SVNN	29	18	7	12	66	Đạt	
227	227	LA11DH0017	Phonesavanh Zuenphanh	25/10/1999	DHKTK11SVNN	29	19	8	12	68	Đạt	

Ghi chú:

Xét đạt: Tổng 4 kỹ năng đạt > = 50; không kỹ năng nào dưới 30% tổng điểm của kỹ năng đó (Đọc > 9; Viết: >9; Nghe > 6; Nói > 6)

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 01 năm 2022

TRƯỞNG BAN CHẤM	TỔ TRƯỞNG TỔ CHẤM	THƯ KÝ
TS. Bùi Thanh Nhu	ThS. Bùi Thị Huyền	Nguyễn Thị Hiền